

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần.

Ông Tống Văn Tâm

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện **Kiểm** sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 39/2025/TLST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn B; địa chỉ: Số 161/47/15 đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khu A, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Tầng 19 Tòa nhà B, số 230 Đ, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn K; địa chỉ: Thửa đất số 665, Tờ bản đồ số 20, Tổ A, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn D; chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/3/2023, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B và Công ty Trách nhiệm hữu hạn K có ký với nhau Hợp đồng mua bán dăm bào - củ khô số 01/2022/HĐMBDD. Thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 29/3/2023. Theo đó, bị đơn cung cấp các loại dăm bào khô và củ khô cho nguyên đơn. Đồng thời, sau khi ký kết hợp đồng nguyên đơn sẽ đặt cọc cho bị đơn số tiền 300.000.000 đồng, việc thanh toán tiền lấy hàng theo quy định của từng đơn hàng.

Sau khi hai bên ký hợp đồng, nguyên đơn luôn nhận hàng và thanh toán đúng tiến độ theo giao kết của hợp đồng. Đến ngày 29/3/2024 khi hết thời hạn của hợp đồng thì bị đơn không hoàn trả lại số tiền cọc đã nhận 300.000.000 đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 6 của hợp đồng có nội dung *“Sau khi chấm dứt hợp đồng, nếu không có phát sinh tranh chấp gì khác, bên A hoàn trả lại số tiền mà bên B đã đặt cọc và ngược lại nếu bên B tự ý huỷ hợp đồng trước thời hạn thì bên B sẽ mất số tiền đã đặt cọc”*. Vào ngày 19/6/2025, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký bản đối chiếu công nợ với nhau, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 297.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn không thực hiện việc hoàn trả số tiền trên cho nguyên đơn.

Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền đặt cọc cho nguyên đơn, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 356.162.000 đồng, bao gồm: Tiền đặt cọc là 297.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính là 59.162.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo hợp lệ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K, triệu tập nhiều lần nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K không có mặt, không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền cọc còn nợ là 297.000.000 đồng. Đối với tiền lãi thì thay đổi thời gian tính tiền lãi, tính từ ngày ký đối chiếu công nợ là ngày 19/6/2025 cho đến ngày mở phiên tòa là ngày 29/9/2025: $297.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 3 \text{ tháng} = 7.395.300 \text{ đồng}$. Tổng tiền gốc và lãi là 304.395.300 đồng.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn K phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B số tiền 304.395.300 đồng, bao gồm: Tiền đặt cọc là 297.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính là 7.395.300 đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền đặt cọc còn nợ phát sinh từ việc mua bán hàng hóa, bị đơn có trụ sở tại thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn cũng như người đại diện hợp pháp của bị đơn hợp lệ, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xét thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Hợp đồng mua bán đảm bảo - củi khô số 01/2022/HĐMBDD ngày 29/3/2023 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 29/3/2023. Bị đơn cung cấp các loại đảm bảo khô và

củi khô cho nguyên đơn. Sau khi ký kết hợp đồng nguyên đơn sẽ đặt cọc cho bị đơn số tiền 300.000.000 đồng, việc thanh toán tiền lấy hàng theo quy định của từng đơn hàng. Đồng thời, tại Điều 6 của hợp đồng có nội dung “Sau khi chấm dứt hợp đồng, nếu không có phát sinh tranh chấp gì khác, bên A hoàn trả lại số tiền mà bên B đã đặt cọc và ngược lại nếu bên B tự ý huỷ hợp đồng trước thời hạn thì bên B sẽ mất số tiền đã đặt cọc”. Do đó, Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền cọc còn nợ là 297.000.000 đồng. Xét thấy, vào ngày 19/6/2025, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký bản đối chiếu công nợ với nhau, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 297.000.000 đồng. Việc bị đơn nhận tiền cọc nhưng khi kết thúc hợp đồng lại không thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận của hợp đồng là ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ là phù hợp.

[2.3] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán với số tiền 7.395.300 đồng. Xét thấy, Hợp đồng giữa các bên không thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán, theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 7.395.300 đồng, thấp hơn mức lãi suất bình quân lãi suất của ba ngân hàng là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần thương tín Sài Gòn, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi là 7.395.300 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải chịu và đã nộp đủ.

[5] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:**Căn cứ**

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 328 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 của Luật thương mại;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn K về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B số tiền là 304.395.300 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm đồng), bao gồm: Tiền đặt cọc là 297.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính là 7.395.300 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải chịu và đã nộp đủ

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn K phải chịu 15.219.765 đồng (Mười lăm triệu hai trăm mười chín nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

- Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B số tiền 8.904.000 đồng (Tám triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004696 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan